

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau một buổi sáng giằng co quanh ngưỡng 1,350, VN-Index đã tăng trong phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,358.18 điểm, tăng gần 9 điểm so với phiên trước. 9/18 ngành tăng điểm, tuy nhiên số mã giảm áp đảo số mã tăng, cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số mã nhất định. Ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn. Dù dòng tiền khá ủng hộ đà tăng trong phiên hôm nay nhưng nhìn chung thanh khoản vẫn khiêm tốn. Thị trường có thể sẽ trải qua giai đoạn rung lắc ngắn hạn trong vùng 1,350 – 1,360.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.83** điểm, đóng cửa tại **1358.18** điểm. HNX-Index **+0.35** điểm, đóng cửa tại **227.42** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.74)**, **VHM (+3.79)**, **GAS (+1.75)**, **GVR (+0.56)**, **VPL (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.96)**, **HVN (-0.55)**, **VNM (-0.33)**, **TCB (-0.33)**, **EIB (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,242** tỷ đồng, giảm **-9.72%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,789 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.77 điểm. Thị trường có **120** mã tăng, 44 mã tham chiếu, **205** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-166.11** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCI (-53.44 tỷ)**, **VNM (-44.05 tỷ)**, **EIB (-41.05 tỷ)**, **SHB (-40.98 tỷ)**, **ACB (-37.29 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-44.27** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.05%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+5.41%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+4.08%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+2.17%)
- BSC50 **+0.45%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.91%)
SZC (+5.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
SIP (+4.85%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.05%	0.45%	0.65%	0.91%
1 tuần	0.58%	0.35%	1.50%	1.97%
1 tháng	7.04%	5.39%	3.33%	2.76%
3 tháng	-0.12%	-1.90%	1.97%	4.29%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,358.18	227.42	99.02
% 1D	0.65%	0.15%	-0.38%
GTKL (tỷ VND)	18,242	1,763	504
%1D	-9.72%	35.14%	-12.78%
GDNN (tỷ VND)	-166.11	-44.27	-15.98

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	67.20	VCI	-53.44
HPG	65.59	VNM	-44.05
GEX	59.91	EIB	-41.05
MWG	58.68	SHB	-40.98
VHM	52.01	ACB	-37.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

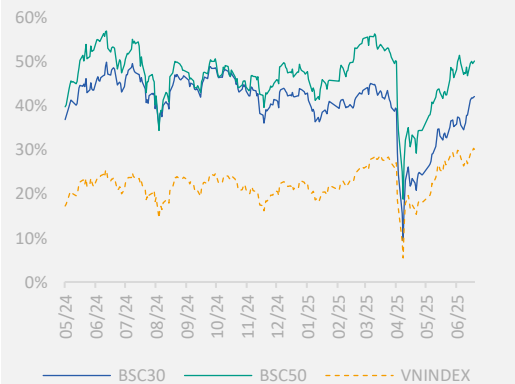
		%D	%W
SPX	5,968	-0.22%	-1.28%
FTSE100	8,782	0.08%	-1.05%
Eurostoxx	5,233	-0.04%	-2.04%
Shanghai	3,382	0.65%	-0.21%
Nikkei	38,354	-0.13%	0.23%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	77.19	2.27%
Giá vàng	3,367	-0.56%
Tỷ giá		
USD/VND	26,279	-0.01%
EUR/VND	30,840	-0.09%
JPY/VND	183	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.01%
LS LNH 1M	3.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	92.80	6.91%	5.74	3.88
VHM	74.00	5.41%	3.79	4.11
GAS	72.60	4.46%	1.75	2.34
GVR	29.80	2.05%	0.56	4.00
VPL	94.50	1.07%	0.42	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	42.60	2.90%	0.26	0.33
CEO	18.50	3.35%	0.21	0.54
PVS	35.10	1.15%	0.12	0.48
PVC	13.30	9.92%	0.07	0.08
DNP	19.60	3.70%	0.07	0.14

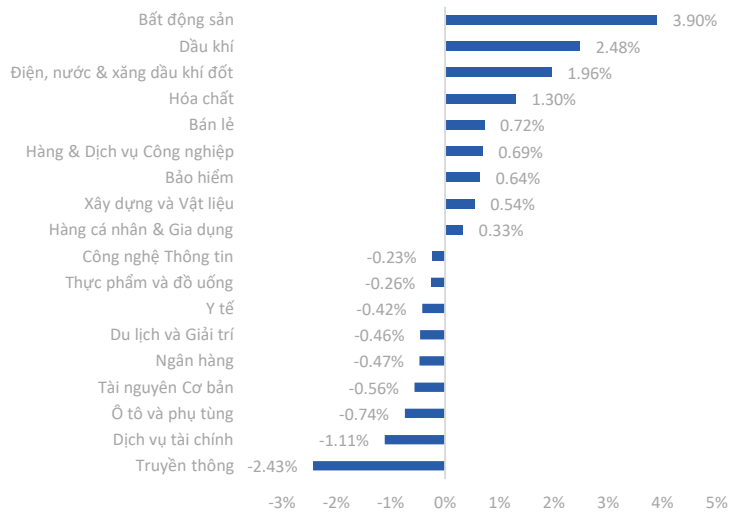
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	92.80	6.91%	5.64	4.69
TDG	3.42	6.88%	0.00	0.24
CTI	25.10	6.36%	0.02	5.45
PHR	59.10	6.10%	0.11	1.40
SZC	35.15	5.87%	0.09	4.97

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVC	13.30	9.92%	0.40	6.00
PEN	7.90	9.72%	0.01	0.00
HKT	10.80	9.09%	0.02	0.02
SMT	9.70	6.59%	0.01	0.00
PVG	7.10	5.97%	0.06	0.21

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	56.60	-0.88%	-0.96	8.36
HVN	36.50	-2.93%	-0.55	2.21
VNM	55.90	-1.24%	-0.33	2.09
TCB	33.80	-0.59%	-0.33	7.06
EIB	22.90	-2.55%	-0.25	1.86

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	166.50	-0.66%	-0.14	0.20
HUT	13.00	-1.52%	-0.11	0.89
SHS	12.70	-1.55%	-0.11	0.89
NTP	76.40	-1.42%	-0.10	0.14
KSF	65.00	-0.76%	-0.09	0.30

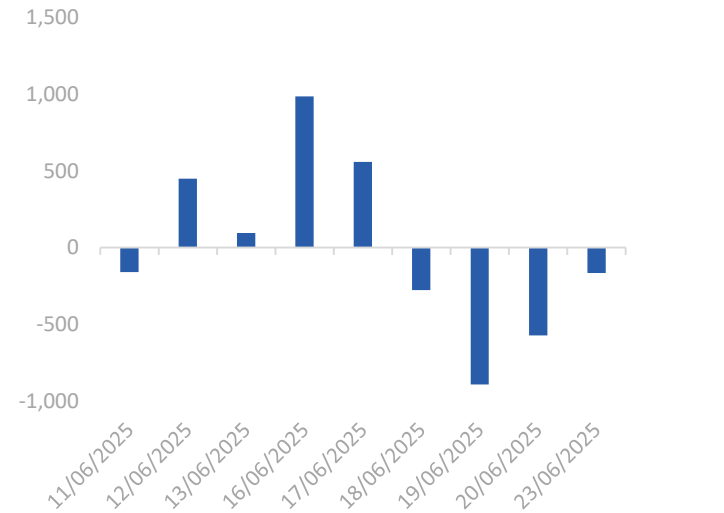
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.42	-6.96%	-0.01	0.00
SRC	24.10	-6.95%	-0.01	0.00
SBV	8.24	-6.89%	0.00	0.01
HRC	29.10	-6.28%	-0.01	0.00
MDG	12.20	-6.15%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ATS	14.70	-9.26%	-0.02	0.00
CAN	34.30	-9.26%	-0.06	0.00
VMS	18.70	-9.22%	-0.06	0.00
VMC	6.00	-9.09%	-0.05	0.19
HAD	14.80	-8.64%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	65.0	1.4%	1.4	94,800	692.1	2,978	21.5		48.0%	
KBC	Bất động sản	26.1	1.2%	1.3	19,766	222.2	1,629	15.8		17.7%	
KDH	Bất động sản	29.5	-2.3%	1.2	30,537	57.6	896	33.7		35.5%	
PDR	Bất động sản	17.9	-0.6%	1.5	16,330	130.8	180	100.2	23,600	9.5%	Link
VHM	Bất động sản	74.0	5.4%	1.0	288,340	428.8	7,766	9.0	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	115.9	-0.2%	0.8	171,982	685.1	5,613	20.7	136,500	40.8%	Link
BSR	Dầu khí	18.8	2.2%	0.0	57,049	169.7	(37)	-500.6		0.3%	
PVS	Dầu khí	35.1	1.2%	1.5	16,585	470.1	2,303	15.1	38,600	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.4	-1.6%	1.4	18,539	531.5	1,394	18.5		37.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.8	-1.0%	1.2	47,325	374.6	1,545	15.5		34.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.2	-1.7%	1.4	25,708	248.1	1,602	22.3		29.0%	
DCM	Hóa chất	36.8	1.1%	1.4	19,270	247.1	2,805	13.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	96.4	-0.4%	1.5	36,763	131.3	8,224	11.8	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.4	-0.5%	0.9	110,181	233.1	3,224	6.7	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	-0.4%	1.0	252,769	84.4	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.4	0.1%	1.2	221,781	209.8	4,806	8.6	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	-0.9%	1.1	77,416	327.1	3,985	5.6	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.9	0.4%	1.0	157,439	656.5	4,049	6.4	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	-0.4%	1.1	31,330	190.3	2,150	5.6	14,000	27.8%	Link
STB	Ngân hàng	46.5	-0.3%	1.1	87,851	328.2	5,767	8.1		20.1%	
TCB	Ngân hàng	33.8	-0.6%	1.1	240,205	768.2	3,013	11.3	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	-0.4%	1.1	35,270	95.1	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.6	-0.9%	0.8	477,109	156.5	4,063	14.1	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.0	-0.6%	1.0	53,922	76.7	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	-0.3%	0.9	146,381	352.0	2,030	9.1	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	-0.6%	1.3	172,699	660.4	1,954	13.8	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	-1.5%	1.5	10,308	73.3	749	22.2	16,800	8.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.9	4.1%	1.5	10,241	622.8	3,930	7.8	32,200	3.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.0	0.7%	1.3	97,089	907.0	1,518	44.5	82,500	25.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.9	-1.2%	0.7	118,291	195.9	4,194	13.5	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	-3.37%	1.5	9,753	160.2	2,098	21.2	23.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	172.2	0.00%	0.9	23,461	45.4	3,279	52.5	32.4%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.2	1.19%	1.2	37,562	14.5	2,975	17.0	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.2	-1.15%	1.5	11,216	169.4	303	57.2	3.3%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.1	-1.23%	1.6	16,608	106.7	310	52.7	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.0	-0.79%	1.3	4,495	59.0	443	57.0	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.7	-0.96%	1.4	9,601	97.1	762	34.0	19.5%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.6	2.90%	1.4	13,662	116.7	4,982	8.3	17.5%	31.2%	
NLG	Bất động sản	36.2	1.40%	1.4	13,747	56.7	1,827	19.5	46.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	67.0	4.85%	0.0	13,453	57.1	6,076	10.5	4.3%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.2	5.87%	1.2	5,976	170.5	2,036	16.3	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.1	-2.06%	1.4	12,997	111.8	1,279	15.2	10.3%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	92.8	6.91%	1.0	331,894	417.7	2,823	30.8	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.8	0.61%	0.9	55,899	165.4	1,844	13.3	18.1%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.8	-1.10%	1.3	7,649	34.2	1,654	21.9	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	40.2	2.68%	1.1	49,744	127.1	1,535	25.5	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	21.7	3.09%	1.3	11,701	336.9	1,246	16.9	3.7%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.5	-0.95%	1.5	12,384	84.5	1,650	22.3	27.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.7	-0.74%	1.6	15,408	63.7	1,650	16.3	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.6	4.46%	1.1	162,816	213.8	4,543	15.3	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	0.00%	1.3	30,561	108.8	546	23.9	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.3	-1.61%	0.8	37,049	54.1	3,922	17.4	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.5	-1.35%	0.7	52,476	470.1	2,777	31.9	12.0%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.9	2.28%	1.4	31,674	613.3	1,954	18.0	8.5%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.5	-0.72%	1.2	23,489	79.2	3,797	14.7	40.4%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.6	-0.57%	1.3	9,093	190.9	5,594	12.5	5.3%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.1	3.24%	1.2	8,694	106.8	2,293	8.1	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.9	-0.96%	0.0	13,883	74.0	3,235	35.2	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.5	1.13%	1.2	26,897	47.7	6,105	13.0	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.2	-0.98%	1.0	3,417	51.3	2,608	11.7	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	2.63%	1.6	2,329	50.1	2,580	7.4	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.1	-0.65%	1.2	15,008	323.7	1,223	31.4	7.4%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.8	2.05%	1.4	116,800	141.1	1,174	24.9	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.9	-2.55%	1.1	43,774	285.7	1,856	12.7	5.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.6	-0.94%	0.5	95,294	90.4	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.3	-1.22%	0.0	22,578	27.8	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.9	2.59%	1.0	28,603	126.7	1,189	9.8	19.4%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.0	-0.76%	1.5	5,863	66.9	1,122	11.7	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.7	1.15%	1.5	4,646	69.1	612	28.5	1.3%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.7	-0.42%	0.7	10,884	224.4	1,400	25.6	3.4%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-0.51%	0.7	63,487	59.2	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.6	-1.74%	1.3	12,929	101.0	5,567	10.4	22.2%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	135.8	-2.58%	0.8	11,411	38.7	13,288	10.5	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.2	-0.36%	1.5	8,344	92.8	3,238	25.8	48.8%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.0	0.51%	1.3	11,267	69.0	4,754	20.7	9.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.3	-1.63%	1.6	4,637	44.2	2,336	19.7	7.4%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	1.23%	1.4	5,780	102.1	1,090	11.2	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-1.35%	1.2	7,922	45.2	1,237	17.9	16.4%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.0	2.81%	1.3	13,802	376.2	915	23.3	7.9%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.4	2.30%	1.4	19,458	34.1	2,720	16.0	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>